

Số: 380/PJT-CK-TGD

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận báo cáo quý
II/2023 & báo cáo 6 tháng năm 2023 đã soát xét.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2023.

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM**

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex giải trình nguyên nhân chênh lệch giữa báo cáo tài chính quý II năm 2023 và báo cáo tài chính 6 tháng năm 2023 đã được soát xét như sau:

1. Báo Cáo Tài Chính Công Ty Mẹ

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu		
		B/c quý II/2023	B/c 6 tháng năm 2023 (đã soát xét)	Chênh lệch tăng/(giảm)
1	2	3	4	(5)=(4)-(3)
I	Bảng cân đối kế toán			
1	Dự phòng phải trả ngắn hạn	19.714.177.124	13.064.377.993	(6.649.799.131)
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	12.354.780.683	13.684.740.509	1.329.959.826
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	14.422.991.625	19.742.830.930	5.319.839.305
II	Bảng kết quả hoạt động kinh doanh			
1	Giá vốn hàng bán	324.640.776.769	317.990.977.638	(6.649.799.131)
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.443.517.653	45.093.316.784	6.649.799.131
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.852.169.196	27.501.968.327	6.649.799.131
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.711.947.847	26.361.746.978	6.649.799.131
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.783.749.927	5.113.709.753	1.329.959.826
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.910.008.932	21.229.848.237	5.319.839.305

- Khoản chi phí trích trước sửa chữa lớn trong năm của đội tàu sau soát xét giảm hơn 6,6 tỷ đồng do đó chỉ tiêu dự phòng phải trả ngắn hạn giảm, thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tăng.



Do chi phí trích trước sửa chữa lớn giảm nên giá vốn giảm làm cho lợi nhuận trước thuế, chi phí thuế TNDN hiện hành và Lợi nhuận sau thuế tăng tương ứng.

2. Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu		
		B/c quý II/2023	B/c 6 tháng năm 2023 (đã soát xét)	Chênh lệch tăng/(giảm)
1	2	3	4	(5)=(4)-(3)
I	Bảng cân đối kế toán			
1	Dự phòng phải trả ngắn hạn	19.714.177.124	13.064.377.993	(6.649.799.131)
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	13.412.093.887	14.742.053.713	1.329.959.826
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	15.098.748.657	20.418.587.962	5.319.839.305
II	Bảng kết quả hoạt động kinh doanh			
1	Giá vốn hàng bán	339.011.201.532	332.361.402.401	(6.649.799.131)
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.007.003.561	47.656.802.692	6.649.799.131
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.215.341.675	26.865.140.806	6.649.799.131
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.075.115.530	25.724.914.661	6.649.799.131
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.950.653.169	5.280.612.995	1.329.959.826
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.098.748.657	20.418.587.962	5.319.839.305

C. P. B. *
PHI MINH *

Do báo cáo soát xét công ty mẹ thay đổi làm cho các chỉ tiêu trên báo cáo soát xét hợp nhất thay đổi.

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex giải trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Nhà Nước và nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng báo cáo !

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

TỔNG GIÁM ĐỐC

nh




ĐẶNG THỊ XUÂN HƯƠNG

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KT